

(Đề thi có 05 trang)

Mã đề thi: 132

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Câu 41: Việc phát huy các thế mạnh phát triển kinh tế của từng vùng đã làm cho

- A. sự phân công lao động theo lãnh thổ ngày càng sâu sắc.
- B. xuất hiện nhiều ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ngày càng nhanh.
- D. nhiều thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động kinh tế.

Câu 42: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. toàn cầu hóa, kinh tế chuyển sang thị trường.
- B. công nghiệp hóa, đa dạng hoạt động dịch vụ.
- C. đô thị hóa, đẩy mạnh việc hội nhập toàn cầu.
- D. mở rộng sản xuất, thu hút đầu tư nước ngoài.

Câu 43: Biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- A. tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- C. tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.
- D. hiện đại hoá các phương tiện, tăng cường đánh bắt xa bờ.

Câu 44: Hình dạng kéo dài và hẹp ngang của lãnh thổ Việt Nam **không** gây ra hạn chế nào sau đây?

- A. Khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp.
- B. Bảo vệ an ninh, chủ quyền.
- C. Quản lý tài nguyên khoáng sản.
- D. Hoạt động giao thông vận tải.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết Đèo Ngang là ranh giới tự nhiên của hai tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- B. Quảng Bình, Quảng Trị.
- C. Thanh Hoá, Nghệ An.
- D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 46: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh về tự nhiên.
- C. khai thác hợp lý tài nguyên, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.
- D. tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu, giải quyết tốt vấn đề việc làm.

Câu 47: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

Năm	2010	2015	2018	2020
Diện tích (nghìn ha)	7 489,4	7 828,0	7 570,4	7 279,0
Sản lượng (nghìn tấn)	40 005,6	45 091,0	43 979,2	42 760,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Cột.
- C. Kết hợp.
- D. Miền.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** có ngành cơ khí?

- A. Việt Trì.
- B. Nam Định.
- C. Hưng Yên.
- D. Hải Dương.

- Câu 49:** Hoạt động du lịch biển ở một số vùng của nước ta diễn ra **không** liên tục trong năm, chủ yếu do
- A. chịu ảnh hưởng nhiều của bão. B. tài nguyên du lịch chưa đa dạng.
C. có khí hậu phân hóa theo mùa. D. dịch vụ du lịch chưa phát triển.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?
- A. Mỹ Tho. B. Sóc Trăng. C. Cà Mau. D. Long Xuyên.
- Câu 51:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ Đồng bằng sông Hồng là
- A. dân trí nâng cao, cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật tốt.
B. lao động có trình độ, khai thác lâu đời, nhiều đô thị.
C. mức sống dân cư, sản xuất phát triển, vị trí thuận lợi.
D. thị trường lớn, vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông.
- Câu 52:** Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là
- A. canh tác hợp lí. B. khai khẩn đất hoang.
C. đa dạng cây trồng. D. bón phân thích hợp.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao 50 – 500 m?
- A. Hoàng Liên. B. Bidoup-Núi Bà. C. Yok Đôn. D. Tràm Chim.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?
- A. Nam Định. B. Huế. C. Nha Trang. D. Biên Hoà.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết ở Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào sau đây **không** phải là bán đảo?
- A. Hòn Gôm. B. Sơn Trà. C. Phước Mai. D. Lý Sơn.
- Câu 56:** Cán cân xuất nhập khẩu nước ta chủ yếu là nhập siêu nguyên nhân chủ yếu do
- A. các mặt hàng xuất khẩu của nước ta chất lượng còn thấp.
B. chính sách tăng cường nhập khẩu, hội nhập kinh tế thế giới.
C. nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng trong nước ngày càng lớn.
D. sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.
- Câu 57:** Nước ta đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng do
- A. cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, thu hút nhiều vốn.
B. nhu cầu thị trường lớn, nguồn lao động dồi dào.
C. nguồn nguyên liệu dồi dào, tạo mặt hàng xuất khẩu.
D. phù hợp với điều kiện đất nước, tăng tích lũy vốn.
- Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết phần lớn các sông ở Tây Nguyên chảy vào dòng chính sông Mê Kông qua hai sông nào sau đây?
- A. Đak Krông, Ia Súp. B. Xê Xan, Xrê Pôc.
C. Xê Xan, Đak Krông. D. Xê Công, Sa Thầy.
- Câu 59:** Đô thị hoá đã tác động như thế nào đến vấn đề xã hội ở nước ta?
- A. Tăng cường khả năng thu hút đầu tư. B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. Tạo việc làm mới, nâng cao đời sống. D. Thúc đẩy sự phát triển các vùng khác
- Câu 60:** Biện pháp phòng chống bão nào sau đây là quan trọng nhất ở nước ta?
- A. dự báo được sự hình thành, vị trí và hướng đi chuyển của bão.
B. sơ tán dân khi có bão mạnh, xây dựng công trình tránh bão.
C. thông tin kịp thời, kêu gọi tàu thuyền về đất liền tránh trú bão.
D. kết hợp phòng chống lũ lụt ở đồng bằng, lũ quét ở miền núi.
- Câu 61:** Mục đích chủ yếu của việc tăng cường áp dụng khoa học - kĩ thuật và giống mới trong sản xuất nông nghiệp nước ta là
- A. phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu. B. tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực.
C. nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội. D. đẩy mạnh sản xuất theo hướng hàng hóa.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết giá trị sản xuất cây công nghiệp của nước ta năm 2007?

- A. 115375 tỉ đồng. B. 29536 tỉ đồng. C. 25,6%. D. 74,4%.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ nào sau đây **không** nối quốc lộ 14 với quốc lộ 1.

- A. Quốc lộ 20. B. Quốc lộ 27. C. Quốc lộ 19. D. Quốc lộ 24.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta?

- A. Hải Phòng, Biên Hòa là các trung tâm quy mô lớn.
B. Có các trung tâm với quy mô rất lớn, lớn, vừa, nhỏ.
C. Công nghiệp chế biến lương thực phân bố rộng rãi.
D. Đà Nẵng và Vũng Tàu có cơ cấu ngành giống nhau.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa điểm nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất trong các địa điểm sau đây?

- A. Lũng Cú. B. Móng Cái. C. A Pa Chải. D. Hà Tiên.

Câu 66: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2000 VÀ 2017

(Đơn vị: triệu người)

Năm	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	Thái Lan	Lào
2000	79,7	217,0	62,6	5,5
2017	93,7	264,0	66,1	7,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về dân số của một số quốc gia, năm 2017 so với năm 2000?

- A. Thái Lan tăng ít hơn Lào. B. Việt Nam tăng nhiều nhất.
C. Lào tăng nhanh nhất. D. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Việt Nam.

Câu 67: Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa, tăng sản lượng, ứng dụng kỹ thuật mới.
B. tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh.
C. tăng diện tích, sử dụng tiên bộ kỹ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.
D. mở rộng vùng chuyên canh, tăng năng suất, sử dụng nhiều máy móc.

Câu 68: Đường dây tải điện 500KV từ Hoà Bình đến Phú Lâm được xây dựng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo thành mạng lưới điện xuyên quốc gia.
B. Thuận lợi cho quá trình xuất khẩu nguồn điện.
C. Phát triển đồng đều giữa thủy điện và nhiệt điện.
D. Phân bố lại điện năng giữa các vùng lãnh thổ.

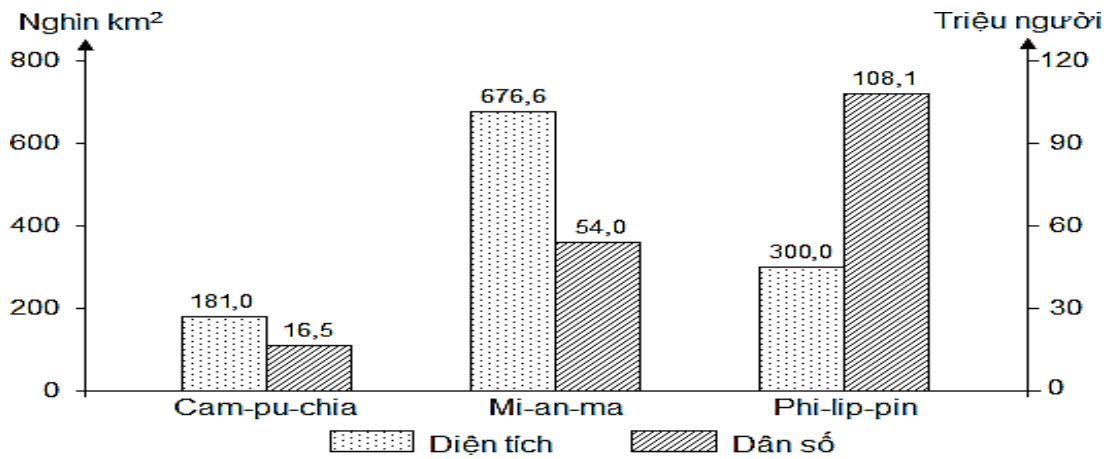
Câu 69: Điều kiện tự nhiên nào sau đây gây khó khăn lớn nhất đối với hoạt động của ngành giao thông vận tải đường ô tô nước ta?

- A. Lãnh thổ hẹp ngang, nhiều mạch núi ăn sát ra biển.
B. Địa hình chủ yếu là đồi núi, khí hậu diễn biến thất thường.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, khí hậu có sự phân mùa.
D. Vị trí địa lí giáp biển, ảnh hưởng của nhiều thiên tai.

Câu 70: Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi để xây dựng nền kinh tế mở do có

- A. vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng.
B. đường biên giới dài, vùng biển có nhiều tiềm năng về kinh tế biển.
C. giàu tài nguyên khoáng sản, trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước.
D. vị trí địa lí đặc biệt, đầu tư, nâng cấp mạng lưới giao thông vận tải.

Câu 71: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

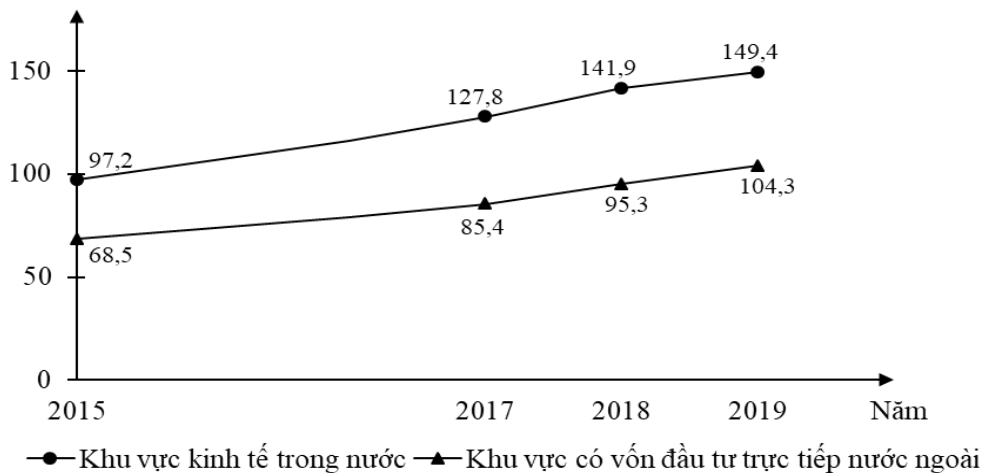
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia năm 2019?

- A. Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin.
- B. Mi-an-ma gấp đôi Cam-pu-chia.
- C. Cam-pu-chia nhỏ hơn Mi-an-ma.
- D. Cam-pu-chia nhỏ hơn Phi-lip-pin.

Câu 72: Cho biểu đồ về nhập khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2015 - 2019

Ti đô la Mỹ



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô giá trị nhập khẩu.
- B. Tốc độ tăng giá trị nhập khẩu.
- C. Quy mô và cơ cấu giá trị nhập khẩu.
- D. Chuyển dịch cơ cấu giá trị nhập khẩu.

Câu 73: Các ngành công nghiệp trọng điểm được hình thành ở nước ta nhằm

- A. khai thác tối đa thế mạnh của đất nước.
- B. tạo ra sức hút đầu tư nước ngoài lớn.
- C. góp phần đào tạo lại nguồn lao động.
- D. tăng cường hội nhập với Thế giới.

Câu 74: Gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng dân số nước ta vẫn tăng nhanh do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Quy mô dân số lớn.
- B. Tuổi thọ ngày càng cao.
- C. Cơ cấu dân số già.
- D. Gia tăng cơ học cao.

Câu 75: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây nằm ở phía tả ngạn sông Hồng?

- A. Pu Si Lung.
- B. Tam Đảo.
- C. Tân Viên.
- D. Phu Luông.

Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có nhiều khu kinh tế cửa khẩu nhất?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 77: Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.

B. bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam.

C. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

D. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 78: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm giữa sông Tiền và sông Hậu?

A. Tiền Giang.

B. Trà Vinh.

C. Sóc Trăng.

D. Hậu Giang.

Câu 79: Thảm thực vật của nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái chủ yếu do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa đa dạng.

B. địa hình đồi núi chiếm ưu thế, phân hóa đa dạng.

C. vị trí trên đường di cư và di lưu của sinh vật.

D. sự phong phú của các nhóm đất và loại đất.

Câu 80: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh quy mô giá trị sản xuất công nghiệp của một số trung tâm?

A. Hải Phòng nhỏ hơn Phúc Yên.

B. Hạ Long nhỏ hơn Nam Định.

C. Rạch Giá lớn hơn Cà Mau.

D. Thủ Dầu Một lớn hơn Nha Trang.

-----**HẾT**-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.